

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XUÂN TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Xuân Trung
- 2. Địa chỉ:** Xóm 17, xã Trà Lũ, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
- 3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập
- 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

4.1. Sứ mạng: Giáo dục cho các thế hệ học sinh biết vượt qua mọi khó khăn, phát triển hết khả năng để trở thành người công dân có ích phụng sự cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.2. Tầm nhìn: Là một trường học biết vượt qua mọi khó khăn, một trường học biết vượt lên chính mình để nâng thêm tầm cao mới, là địa chỉ tin cậy để các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em mình vào học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.3. Mục tiêu

Trong mọi hoàn cảnh khó khăn vẫn phải tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương; có chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều có cơ hội được học tập, rèn luyện và phát triển hết khả năng. Tích cực xây dựng gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc kết hợp với nét đẹp hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và của thời đại.

- Mục tiêu ngắn hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia, đạt KĐCLGD, đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn; khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của huyện.

- Mục tiêu trung hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia, đạt KĐCLGD, đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn; hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn về trường THCS thuộc dự án xây dựng nông thôn mới nâng cao, trường điển hình về chất lượng giáo dục toàn diện.

- Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định trong top những trường có chất lượng giáo dục toàn diện cao của huyện Xuân Trường.

+ Phần đầu đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt KDCLGD cấp độ 3, chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn, Thư viện tiên tiến.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Xã Trà Lũ là xã có truyền thống cách mạng vẻ vang; vừa là anh hùng thời kháng chiến chống giặc ngoại xâm, lại có bề dày thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển nông thôn mới. Toàn xã có 19 xóm với khoảng trên 24 nghìn dân, đời sông kinh tế - xã hội chủ yếu là phát triển kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nghề truyền thống Vận tải thủy.

Xã Trà Lũ đã hoàn thành xây dựng Nông thôn mới từ năm 2015. Đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã luôn dành sự quan tâm chăm lo đến phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương, đầu tư nâng cấp CSVC, đóng góp tài lực, vật lực để phát triển giáo dục.

Trường THCS Xuân Trung có địa chỉ tại Xóm 17 xã Trà Lũ, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trường THCS Xuân Trung được thành lập từ năm 1968. Trải qua 56 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Diện tích trường là 5.675,7 m². Trường có đủ các khối phòng học, phòng chức năng. Hiện tại tổng số CBGV có 27 người, trong đó 02 CBQL, 21 giáo viên đứng lớp, 04 nhân viên. Nhà trường có chi bộ Đảng gồm 19 đảng viên.

Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường; Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường; Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Trung, nay là xã Trà Lũ; sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh; với quyết tâm cao, thầy và trò trường THCS Xuân Trung đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang, đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn có trang thiết bị đạt chuẩn, khu sân chơi đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường; Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Trung, nay là xã Trà Lũ; thầy và trò trường THCS Xuân Trung không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã.

Nhà trường đang tích cực chuwnr bị các điều kiện để được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn , Trường đạt thư viện chuẩn vào tháng 10/2024.

6. Thông tin người đại diện hợp pháp

Họ và tên: Phạm Viết Cường
Chức vụ: Phó Hiệu trưởng phụ trách trường
Số điện thoại: 0915.301.366.
Email: pvcuongxt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Thực hiện theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	27			27	0	0	0	2	11	14	0	20	03	0	0	23	
I	Giáo viên	21			21					9	12		18	03			21	
1	Trong đó, số giáo viên dạy môn:																	
1.1	Toán	05			05					03	02		04	01			05	
1.2	KHTN (Lý)	01			01						01						01	
1.3	KHTN (Hóa)	02			02					02			02				02	
1.4	KHTN (Sinh)																	
1.5	Công nghệ																	
1.6	Tin học	01			01					01			01				01	
1.7	Ngữ văn	06			06						06		05	01			06	

1.8	Lịch sử																
1.9	Địa lý																
1.10	GDCD																
1.11	Tiếng Anh	02			02				02		02					02	
1.12	GDTC	02			02				01	01		02				02	
1.13	Âm nhạc	01			01				01							01	
1.14	Mỹ thuật	01			01				01			01				01	
2	Trong đó, số giáo viên chuyên biệt:	0														0	
a	Tiếng dân tộc																
...	...																
II	Cán bộ quản lý	02			02				02		02					02	
1	Hiệu trưởng	01			01				01		01					01	
2	Phó Hiệu trưởng	01			01				01		01					01	
III	Nhân viên	04															
1	Nhân viên Văn thư	01				01		01									
2	Nhân viên Kế toán	01			01				01								
3	Thủ quỹ	0															
4	Nhân viên Y tế	01				01		01									
5	Nhân viên Thư viện	01			01				01								
6	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	0															
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0															
8	Nhân viên bảo vệ, tạp vụ	0															

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m ²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /01HS)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /01 HS)
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m²)	5.675,7 m ²	4540 m ²	12,50m ² /HS	10m ² /HS
II	Số điểm trường	01	-	-	-
III	Tổng số phòng, hạng mục			-	-
1	Khối phòng hành chính quản trị		-	-	-
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1/24m ²	-	-	-

1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1/24m ²	-	-	-
1.3	Phòng Kế toán	1/24m ²	-	-	-
1.4	Phòng Công đoàn		-	-	-
1.5	Phòng Văn thư		-	-	-
1.6	Phòng Y tế	1/24m ²	-	-	-
2	Khối phòng học tập		-	-	-
2.1	Số phòng học/số lớp		-	-	-
2.2	Loại phòng học		-	-	-
	- Phòng học kiên cố	11	-	-	-
	- Phòng học bán kiên cố	0	-	-	-
	- Phòng học tạm	0	-	-	-
	- Phòng học nhờ, mượn	0	-	-	-
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	11	-	-	-
3.1	Phòng học bộ môn	6	-	-	-
	- Phòng bộ môn Nghệ thuật	1/80m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn Tin học	1/60m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn Tiếng Anh	1/65m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn KHTN, Công nghệ	2/65 m ²	2	-	-
	- Phòng bộ môn KHXH	1/65m ²	1		
3.2	Phòng Đoàn Đội	1/65m ²	1	-	-
3.3	Phòng Truyền thống	1/65m ²	1	-	-
3.4	Phòng Thư viện	1/65m ²	1	-	-
3.5	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1/24m ²	1	-	-
4	Khối phụ trợ		-	-	-
4.1	Phòng Bảo vệ	1/10m ²	-	-	-
5	Khu sân chơi	1000m ²	-	2,20m ² /HS	-
6	Khối phục vụ sinh hoạt			-	-
6.1	Phòng giáo viên	-	-	-	-
6.2	Phòng họp Hội đồng	1/65m ²	-	-	-
7	Hạ tầng kỹ thuật			-	-
IV	Tổng số thiết bị dạy hiện có (Đơn vị tính: bộ)			Số lượng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện có			4	
1.1	Khối lớp 6			1	
1.2	Khối lớp 7			1	
1.3	Khối lớp 8			1	
1.4	Khối lớp 9			1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				

2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	0	02	-	Nam: 0,06m ² /HS Nữ: 0,05m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	-	

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Danh mục sách giáo khoa lớp 6		
1.1	Ngữ văn 6 Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam
1.2	Toán 6, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
1.3	Tiếng Anh 6 Tập 1 <i>Global Success</i>	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 6 Tập 2 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam
1.4	Giáo dục công dân 6 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Giáo dục Việt Nam
1.5	Khoa học tự nhiên 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
1.6	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
1.7	Tin học 6 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Trí Trung	Đại học Sư phạm
1.8	Công nghệ 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
1.9	Âm nhạc 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
1.10	Mĩ thuật 6 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam

1.11	Giáo dục thể chất 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chân Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
1.12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
2 Danh mục sách giáo khoa lớp 7			
TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
2.1	Ngữ văn 7 Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7 Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam
2.2	Toán 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
2.3	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
2.4	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam.	Giáo dục Việt Nam
2.5	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tinh, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam
2.6	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
2.7	Tin học 7 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê.	Đại học Sư phạm
2.8	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
2.9	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
2.10	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ	Giáo dục Việt Nam

	Bản 1)	Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	
2.11	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2.12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo Bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
3	Danh mục sách giáo khoa lớp 8		
TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
3.1	Ngữ văn 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương	Giáo dục Việt Nam
3.2	Toán 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng..	Giáo dục Việt Nam
	Toán 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng..	Giáo dục Việt Nam
3.3	Tiếng Anh 8 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
3.4	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hoà An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Giáo dục Việt Nam
3.5	Khoa học tự nhiên 8 (Chân trời sáng tạo)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Giáo dục Việt Nam
3.6	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
3.7	Tin học 8 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Đình Hoá, Nguyễn Nguyên Hương, Nguyễn Thanh Tùng.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

3.8	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thủy.	Giáo dục Việt Nam
3.9	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
3.10	Mĩ thuật 8 (Chân trời sáng tạo Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
3.11	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
3.12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo Bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yên Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn..	Giáo dục Việt Nam
4	Danh mục sách giáo khoa lớp 9		
TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
4.1	Ngữ văn 9, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	
4.2	Toán 9, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng..	Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
4.3	Tiếng Anh 9 <i>(Global Success)</i>	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam
4.4	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Giáo dục Việt Nam

4.5	Giáo dục công dân 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm	Giáo dục Việt Nam
4.6	Tin học 9 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
4.7	Âm nhạc 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
4.8	Mỹ thuật 9 (Chân trời sáng tạo Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
4.9	Giáo dục thể chất 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam
4.10	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9. (Chân trời sáng tạo Bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
4.11	Công nghệ 9 - Hướng nghiệp (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Giáo dục Việt Nam
4.12	Công nghệ 9 - Lắp đặt mạng điện trong nhà. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thủy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Giáo dục Việt Nam
4.13	Công nghệ 9 - Trồng cây ăn quả. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Giáo dục Việt Nam
4.14	Công nghệ 9 - Chế biến thực phẩm (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến.	Giáo dục Việt Nam
4.15	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Giáo dục Việt Nam

XXI	Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
1	...		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Sở GD&ĐT Nam Định.

V. KẾT QUẢ GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Kết quả tuyển sinh		-	-	-	-	
	Lớp 6	106	106	-	-	-	
II	Tổng số học sinh theo từng khối	427	106	130	107	84	
1	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	229/198	56/50	71/59	52/55	50/34	
2	Học sinh là người dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
3	Học sinh khuyết tật	02	01	0	01	0	
III	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	35	43	36	42	39	
IV	Số học sinh học 2 buổi/ngày	427	106	130	107	84	
V	Số lượng học sinh chuyển trường	0	0	0	0	0	
VI	Số lượng học sinh được tiếp nhận học tại trường	0	0	0	0	0	
VII	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh (đối với cấp THCS và THPT)						
1	Số học sinh chia theo kết quả học tập	427	106	130	107	84	
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	84 (19,67%)	22 (20,75%)	26 (20,00%)	9 (8,41%)	27 (32,14%)	
1.2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	208 (48,71%)	46 (43,40%)	61 (46,92%)	63 (58,88%)	38 (45,24%)	

1.3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	112 (26,23 %)	35 (33,02%)	34 (26,15%)	26 (24,30%)	17 (20,24%)	
1.4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23 (5,39%)	3 (2,83%)	9 (6,92%)	9 (8,41%)	2 (2,38%)	

Trà Lũ, ngày 19 tháng 6 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Viết Cường